

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc L1 - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 16/2023/HS-ST
Ngày: 10 - 3 - 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Phạm Hùng Phương.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Dương Thị Vui.

2. Ông Vũ Mạnh Toàn.

- Thư ký phiên toà: Ông Vũ Tuấn Tú – Thư ký Toà án nhân dân huyện N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên toà: Bà Hoàng Thị Hằng – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện N xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 01/2023/TLST-HS ngày 10 tháng 01 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2023/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên toà số 03/2023/HSST-QĐ ngày 13/02/2023 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn D - Sinh năm 1981 tại tỉnh Nam Định;

Nơi cư trú: Xóm 9, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): 10/12; giới tính: Nam; con ông: Nguyễn Thanh Qu, sinh năm 1945 và bà Phạm Thị Ph, sinh năm 1948, cả hai hiện đang ở xã N, huyện N, tỉnh Nam Định; có vợ: Lã Thị D1, sinh năm 1981, hiện đang ở xã N, huyện N, tỉnh Nam Định, con: có 02 con, con lớn sinh năm 2000, con nhỏ sinh năm 2011; tiền sự: Không; tiền án: Ngày 04/3/2021, bị Tòa án nhân dân huyện N tỉnh Nam Định xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Chấp hành xong án phạt tù ngày 20/10/2021; Nhân thân: Ngày 30/01/2021, bị Công an huyện N xử phạt vi phạm hành chính phạt tiền 1.000.000 đồng về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. (Đã nộp ngày 02/02/2021). Bị cáo Nguyễn Văn D bị bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, tạm giữ từ ngày 22/12/2022 đến ngày 28/12/2022 chuyển tạm giam tại Nhà tạm giữ

Công an huyện N. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Nam Định cho đến nay; có mặt.

* *Bị hại:* Chị Nguyễn Thị L - Sinh năm: 1965;

Nơi cư trú: Tổ dân phố 1, thị trấn Qu, huyện N, tỉnh Nam Định; vắng mặt.

* *Người chứng kiến:* Anh Trần Đình L1 – Sinh năm: 1964;

Nơi cư trú: Tổ dân phố 1, thị trấn Qu, huyện N, tỉnh Nam Định; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Viện kiểm sát nhân dân huyện N truy tố bị cáo về hành vi phạm tội: Khoảng 8 giờ ngày 21/12/2022, Nguyễn Văn D đi nhờ xe của người đi đường không quen biết đến nhà anh Trần Đình L1, ở tổ dân phố 1, thị trấn Qu, huyện N, tỉnh Nam Định (anh L1 là chồng chị Nguyễn Thị L) chơi. Đến nơi, D thấy anh L1 đang ngủ trên giường ở phòng khách, trong nhà không có ai, D nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. D đi vào buồng ngủ phía Tây lấy 02 chiếc điện thoại di động (01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S Plus, màu vàng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X, màu trắng, đều đã qua sử dụng và không lắp sim) để trên bàn trang điểm bỏ vào túi áo khoác đang mặc rồi đi về nhà cất giấu. Sau khi mất trộm tài sản, chị L có đơn trình báo gửi Công an thị trấn Qu về việc sáng ngày 21/12/2022 chị L bị mất trộm 02 chiếc điện thoại di động có đặc điểm như trên và Công an thị trấn Qu đã báo cáo Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N để giải quyết theo thẩm quyền. Ngày 22/12/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N đã bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, tạm giữ đối với Nguyễn Văn D để điều tra xử lý. Thu giữ tại nhà Nguyễn Văn D 02 chiếc điện thoại di động có đặc điểm như trên.

Tại bản Kết luận số 30/HĐ-ĐGTS ngày 26/12/2022 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện N, kết luận: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S Plus, màu vàng, đã qua sử dụng trị giá 1.100.000 đồng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X, màu trắng, đã qua sử dụng trị giá 3.050.000 đồng. Tổng cộng: 4.150.000 đồng.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N, Nguyễn Văn D đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Bản cáo trạng số 13/CT-VKS ngày 09/01/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn D về tội “ Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Tại phiên toà hôm nay đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N giữ nguyên quan điểm truy tố theo như tội danh và điều luật đã nêu. Sau khi đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân và các

tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo đã đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự xử phạt Nguyễn Văn D từ 12 (Mười hai) tháng đến 18 (Mười tám) tháng tù; đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo; đề nghị áp dụng Điều 135; Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự và Điều 6; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội để buộc bị cáo phải nộp án phí theo quy định.

Tại phiên tòa hôm nay qua xét hỏi và tranh luận bị cáo Nguyễn Văn D đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản cáo trạng đã nêu.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo thừa nhận hành vi của mình là vi phạm pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về định tội: Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của bị hại và các tài liệu đã được xác lập có trong hồ sơ vụ án cũng như bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố bị cáo ra trước phiên tòa hôm nay. Như vậy đã đủ cơ sở xác định: Khoảng 8 giờ ngày 21/12/2022, tại nhà anh Trần Đình L1, ở tổ dân phố 1, thị trấn Qu, huyện N, tỉnh Nam Định (anh L1 là chồng chị Nguyễn Thị L), Nguyễn Văn D đã có hành vi lén lút trộm cắp 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S Plus, màu vàng, đã qua sử dụng trị giá 1.100.000 đồng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X, màu trắng, đã qua sử dụng trị giá 3.050.000 đồng của chị Nguyễn Thị L. Tổng giá trị tài sản Nguyễn Văn D có hành vi trộm cắp là 4.150.000 đồng. Đối chiếu với quy định của Bộ luật Hình sự, thấy đủ căn cứ kết luận bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện N truy tố bị cáo ra trước Tòa án nhân dân huyện N để xét xử bị cáo với tội danh và điều luật như đã viện dẫn là có căn cứ.

Hành vi bị cáo đã thực hiện xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, là nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự trị an, an toàn xã hội trong khu vực, làm ảnh hưởng đến nếp sống văn hoá, gây nên dư luận xấu trong nhân dân ở khu vực. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình, đã bị xét xử về tội trộm cắp tài sản nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học mà vẫn tiếp tục phạm tội nên việc đưa bị cáo ra xét xử công khai, lên án xử lý nghiêm là cần thiết nhằm góp phần vào việc đấu tranh phòng chống tội phạm.

[3] Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo thì thấy bị cáo là người có nhân thân xấu. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Ngày 04/3/2021 bị cáo Nguyễn Văn D bị Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Nam Định xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” chấp hành xong án phạt tù ngày 20/10/2021 chưa được xoá án tích nay bị cáo lại tiếp tục phạm tội do cố ý nên bị cáo phải chịu tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong giai đoạn điều tra, truy tố, xét xử bị cáo Nguyễn Văn D đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Mặt khác bố đẻ bị cáo là ông Nguyễn Thanh Qu được nhà nước tặng Huân chương kháng chiến và Huân chương chiến sĩ giải phóng hạng ba vì đã có thành tích trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước nên bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Từ những phân tích, đánh giá nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn, tập chung cải tạo đối với bị cáo nhằm trừng trị, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[4] Về hình phạt bổ sung: Theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên toà cho thấy bị cáo là người có hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Về vật chứng của vụ án: Đối với 02 điện thoại di động thu giữ trong quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện N đã trả lại cho chủ sở hữu chị Nguyễn Thị L là phù hợp. Chị L không có đề nghị thêm nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Bị cáo Nguyễn Văn D phải chịu án phí theo quy định tại Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự và Điều 6; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[7] Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện N là phù hợp.
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự;

Căn cứ Điều 135; Điều 136; Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Căn cứ Điều 6; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn D phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Xử phạt Nguyễn Văn D 12 (Mười hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 22 tháng 12 năm 2022.

3. Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Văn D phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, vắng mặt bị hại. Báo cho người có mặt biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án và người được thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6; 7; 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hạn thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tỉnh;
- VKS nhân dân Tỉnh + huyện;
- Công an huyện;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- UBND xã N;
- Án văn + lưu hồ sơ;
- Thi hành án phạt tù.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Phạm Hùng Phương